TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁP MƯỜI** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2022/DS-ST
Ngày: 22/11/2022
"V/v Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Minh Phường.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lê Văn Vững** và bà **Nguyễn Thị Thanh Trang.**

- Thư ký phiên toà: Bà **Hồ Thị Mỹ Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Phan Hoàng Yến** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 9, ngày 04 và 22 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 108/2020/TLST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2020, về việc "Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 726/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông **Lê B**, sinh năm 1963;
Địa chỉ: Ấp 1, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.
Người đại diện theo ủy quyền: Anh **Trần Văn H**, sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Theo văn bản ủy quyền ngày 20/6/2022.

2. Bị đơn: Ông **Đặng Văn B1**, sinh năm 1936;
Địa chỉ: Ấp 1, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.
Người đại diện theo ủy quyền: Chị **Đặng Thị P**, sinh năm 1967. Địa chỉ: Ấp 1, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Theo văn bản ủy quyền ngày 08/12/2020.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị **Đặng Thị Đ**, sinh năm 1972;
Chị **Đặng Thị H**, sinh năm 1980;
Anh **Đặng Tấn T**, sinh năm 1985;
Chị **Đặng Thị Minh T**, sinh năm 2002;

Chị **Nguyễn Thị Ngọc B**, sinh năm 1988;
Địa chỉ: Ấp 1, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Ngân Hàng N;
Người đại diện theo pháp luật: Ông **Tiết Văn T**, chức vụ: Tổng giám đốc;
Địa chỉ: Số 02, đường L, quận B, thành phố Hà Nội (Chi nhánh huyện T - Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp).

(Anh H, chị P, chị H, chị Đ và anh T có mặt;
Chị T, chị B và ngân hàng vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, ý kiến tại biên bản không tiến hành hòa giải được và phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Lê B có người đại diện theo ủy quyền anh Trần Văn H trình bày:*

Nguồn gốc phần đất đang tranh chấp trên là do cha của ông B là cụ Nguyễn Văn T (Tên thường gọi: T, hiện nay cụ T đã chết) cho ông B vào năm 1970. Khi cho thì cha chỉ có miệng và ông B sử dụng liên tục ổn định từ đó cho đến nay. Đến năm 1994, ông B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu và từ đó cho đến nay ông B chưa đổi giấy đất lần nào. Thời điểm cấp giấy đất thì không có cơ quan chuyên môn gì đo đạc. Từ trước cho đến khi phát sinh tranh chấp thì giữa ông B và ông B1 chưa có xác định ranh lần nào và hiện trạng đường ranh trước đây là cái mương nhưng vào năm 2020 anh Thành thuê Rô Be múc đất đào ao nuôi ếch nên phần đường mương phía sau đã bị đất lắp lại, phần mương phía trước giáp lộ nhựa vẫn còn. Hiện trạng phần đất đang tranh chấp không có gì thay đổi so với khi Tòa án xem xét thẩm định. Đối với việc định giá của Tòa án thì ông B thống nhất, không có khiếu nại gì. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng hiện nay ông B đã thế chấp cho Ngân Hàng N - Chi nhánh huyện T để vay số tiền 230.000.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện ông B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc hộ ông B1 trả lại phần đất mà ông B1 tự bao chiếm diện tích 525m^2, thuộc 01 phần thửa số 1426 và 1428, cùng tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp 1, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Nay ông B xin thay đổi yêu cầu khởi kiện là ông B yêu cầu Tòa án giải quyết xác định đường ranh giữa đất của ông B với ông B1 như đường ranh ông B xác định trong Sơ đồ đo đạc của Tòa án. Đồng thời, buộc hộ ông B1 trả lại phần đất lấn chiếm diện tích 264,7m^2, thuộc 01 phần thửa số 1426 và 1428, cùng tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp 1, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Ngoài ra, ông B không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

** Theo ý kiến tại ý kiến tại biên bản không tiến hành hòa giải được và phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Đặng Văn B có người đại diện theo ủy quyền chị Đặng Thị P trình bày:*

Nguồn gốc phần đất đang tranh chấp trên là do ông B1 nhận chuyển nhượng từ ông Đặng Văn T, việc chuyển nhượng trước giải phóng nhưng không

nhớ năm nào, ông B1 cũng không nhớ cụ thể nội dung chuyển nhượng nhưng hai bên đã thực hiện xong. Ông B1 sử dụng phần đất này ổn định từ khi nhận chuyển nhượng của ông Tài từ đó cho đến nay. Đến năm 1994, ông B1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu và từ đó cho đến nay ông B1 có đổi giấy đất lần nào không thì ông B1 không nhớ. Đến năm 2018, ông B1 có cho bà Phượng 01 phần đất nên có làm thủ tục sang tên phần đất cho bà Phượng, khi đó thì có cơ quan chuyên môn xuống đo phần đất của bà Phượng được cho, còn phần đất còn lại của ông B1 thì không có đo đạc. Từ trước cho đến khi phát sinh tranh chấp thì giữa ông B và ông B1 chưa có xác định ranh lần nào. Hiện trạng phần đất đang tranh chấp không có gì thay đổi so với khi Tòa án xem xét thẩm định. Đối với việc định giá của Tòa án thì ông B1 thống nhất, không có khiếu nại gì. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng hiện nay ông B1 đã thế chấp cho Ngân Hàng N - Chi nhánh huyện T để vay số tiền 150.000.000 đồng. Đối với chị Bích trước đây là con dâu của ông B1 (Vợ anh T) nên nhập hộ khẩu và sống chung nhà chứ chị Bích không có công sức đóng góp gì vào phần đất này. Đồng thời, vào đầu năm 2022 vợ chồng anh Thành đã ly hôn với nhau, hiện nay chị Bích không còn sống chung và đã tách hộ khẩu nên nay ông B1 yêu cầu đưa chị Bích ra khỏi vụ án này.

Nay ông B1 không đồng ý trả theo toàn bộ yêu cầu của ông B. Đồng thời, ông B1 yêu cầu Tòa án giải quyết theo đường ranh mà ông B1 đã chỉ trong Sơ đồ đo đạc của Tòa án. Ngoài ra, ông B1 không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

** Theo ý kiến tại biên bản không tiến hành hòa giải được và phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đặng Tấn T trình bày:*

Anh thống nhất với toàn bộ lời trình bày của phía bị đơn. Anh là con của ông B1, do anh là con nên sống chung nhà với ông B1 chứ anh không có công sức đóng góp gì vào phần đất này. Đồng thời, chị Bích trước đây là vợ anh nhưng vào đầu năm 2022, vợ chồng anh đã ly hôn với nhau, hiện nay chị Bích không còn sống chung và đã tách hộ khẩu nên nay anh yêu cầu đưa chị Bích ra khỏi vụ án này. Anh xác định phần đất đang tranh chấp trên là tài sản của ông B1. Đối với vụ án này anh không có yêu cầu gì. Ngoài ra, anh không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

** Theo ý kiến tại biên bản không tiến hành hòa giải được và phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đặng Thị H trình bày:*

Chị thống nhất với toàn bộ lời trình bày của phía bị đơn. Chị là con của ông B1, do chị là con nên sống chung nhà và có tên trong sổ hộ khẩu với ông B1 chứ chị không có công sức đóng góp gì vào phần đất này. Chị xác định phần đất đang tranh chấp trên là tài sản của ông B1. Đối với vụ án này chị không có yêu cầu gì. Ngoài ra, chị không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

** Theo ý kiến tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đặng Thị Đ trình bày:*

Chị thống nhất với toàn bộ lời trình bày của phía bị đơn. Chị là con của ông B1, do chị là con nên sống chung nhà và có tên trong sổ hộ khẩu với ông B1 chứ

chị không có công sức đóng góp gì vào phần đất này. Chị xác định phần đất đang tranh chấp trên là tài sản của ông B1. Đối với vụ án này chị không có yêu cầu gì. Ngoài ra, chị không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

* Đối với chị Đặng Thị Minh T, chị Nguyễn Thị Ngọc B và Ngân Hàng N (Gọi tắt: Ngân hàng) mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, các phiên tòa sơ thẩm và cũng không có văn bản ý kiến gì.

** Ý kiến và đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười*:

Về việc bảo đảm việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành tốt pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến tại thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, cũng như việc chấp hành các quy định về tố tụng dân sự và thực hiện các quyền, nghĩa vụ về tố tụng dân sự của các đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án được thực hiện đúng và đầy đủ nên Viện kiểm sát không có ý kiến, kiến nghị gì.

Về nội dung vụ án: Áp dụng quy định tại Điều 212, Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 175 của Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa ông Lê B và ông Đặng Văn B về việc xác định phần ranh giới quyền sử dụng đất giữa hai bên. Cụ thể: Điểm đầu tiên MO᷉ kéo thẳng vô điểm tiếp theo là cây còng, kéo thẳng đến điểm MF᷉ rồi đến MC᷉ cuối cùng là điểm M5᷉ theo phụ lục trích đo địa chính bổ sung ngày 22/11/2022 của Công ty TNHH Dịch vụ và Đo đạc Bảo Long.

** Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:*

- Nguyên đơn nộp các tài liệu, chứng cứ gồm:

+ Giấy CMND và sổ hộ khẩu (Bản photo);
+ Văn bản xác nhận giá đất;
+ Tờ xác nhận ghi ngày 25/10/1993 (Bản photo);
+ Biên bản hòa giải ở cơ sở ghi ngày 13/3/2019 (Bản chính);
+ Giấy chứng nhận QSDĐ (Bản photo);
+ Văn bản ủy quyền.

- Bị đơn nộp các tài liệu, chứng cứ gồm:

+ Giấy CMND và sổ hộ khẩu (Bản photo);
+ Giấy chứng nhận QSDĐ (Bản photo).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có nộp tài liệu, chứng cứ gì.

** Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập gồm:*

+ Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ;
+ Sơ đồ trích đo và phụ lục kèm của phần đất đang tranh chấp;
+ Các văn bản trả lời và tài liệu kèm theo của các cơ quan chuyên môn có liên quan;

+ Biên bản lấy lời khai.

Các tài liệu trong hồ sơ đã được công khai theo biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 15/8/2022.

* *Các tình tiết, sự kiện trong vụ án các bên đương sự thống nhất*: Toàn bộ vụ án.

* *Các tình tiết mà các bên đương sự không thống nhất:* Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Ông B yêu cầu Tòa án giải quyết xác định đường ranh giữa đất của ông B với ông B1 như đường ranh ông B xác định trong Sơ đồ đo đạc của Tòa án. Đồng thời, buộc hộ ông B1 trả lại phần đất lấn chiếm diện tích 264,7m^2, thuộc 01 phần thửa số 1426 và 1428, cùng tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp 1, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Đồng thời, ông B1 yêu cầu Tòa án giải quyết theo đường ranh mà ông B1 đã chỉ trong Sơ đồ đo đạc của Tòa án. Ngoài ra, các đương sự không ai có yêu cầu nào khác nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất" theo quy định tại khoản 9 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền, xét thấy: Tranh chấp trên giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 9 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, phần đất đang tranh chấp tọa lạc tại ấp 1, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng:

Theo quyết định tạm ngưng phiên tòa thì Hội thẩm nhân dân chính thức là ông Trần Văn Tuấn và ông Nguyễn Thanh Minh Hiền. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay do ông Tuấn và ông Hiền bận đi công tác đột xuất nên không thể tham gia phiên tòa được thay thế bằng ông Lê Văn Vững và bà Nguyễn Thị Thanh Trang là Hội thẩm nhân dân dự khuyết. Các đương sự có mặt thống nhất đồng ý việc thay đổi này và không có khiếu nại gì. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

Ngoài ra, tại phiên tòa sơ thẩm chị T, chị B và ngân hàng mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều của 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T, chị B và ngân hàng.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét thấy:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông B và ông B1 đồng ý xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa đất của ông B tại thửa số 1426 và 1428 với đất của ông B1 tại thửa số 2802 và 2804 là các đường thẳng nối qua các mốc MO', M16' (Ngay tâm cây còng), MF', MC'

và M5’, đất tọa lạc tại ấp 1, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Các đương sự đồng ý mỗi người chịu ½ chi phí trên. Tổng số tiền chi phí trên là 10.226.000 đồng, ông B đã tạm ứng trước và đã chi xong.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự đồng ý mỗi người chịu ½ án phí dân sự sơ thẩm.

- Về định giá: Các đương sự thống nhất thỏa thuận giá trị các tài sản đang tranh chấp, cụ thể: Đối với đất ở tại nông thôn là 400.000 đồng/m^2, đối với đất trồng cây lâu năm là 75.000 đồng/m^2. Ngoài ra, đối với các cây trồng dính vào đường ranh đang tranh chấp thì các đương sự yêu cầu Tòa án không định giá mà trong trường hợp Tòa án phán quyết đường ranh mà có cây trồng của ai thì người đó tự di dời, không ai phải bồi thường gì.

Xét thấy, sự thỏa thuận trên của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận trên.

[5] Hiện nay giấy chứng quyền sử dụng đất thì các đương sự đang thế chấp tại ngân hàng, đối với ông B vay số tiền 230.000.000 đồng, đối với ông B1 vay số tiền 150.000.000 đồng. Xét thấy, các đương sự đều trình bày hiện nay vẫn đang thực hiện hợp đồng vay với ngân hàng bình thường, không có vi phạm hợp đồng gì và tính đến nay phía ngân hàng không có ý kiến hoặc yêu cầu độc lập gì. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết. Nếu sau này các bên có phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Đối với các đương sự còn lại không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[7] Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hai bên đều cấp cho hộ. Đối với ông B xác định hộ của mình: Ông B, chị T1, chị A và anh L, ngoài ra không còn ai khác trong hộ hoặc đang sinh sống cùng với ông B trên phần đất này. Đối với ông B1 xác định hộ của mình: Ông B1, chị Đ, chị H, anh T, chị T, ngoài ra không còn ai khác trong hộ hoặc đang sinh sống cùng với ông B1 trên phần đất này. Đồng thời, khi Tòa án thụ lý giải quyết thì trong hộ của ông B1 còn có thêm chị B (Là con dâu ông B1, vợ của anh T) nhưng giữa chị B với anh T đã ly hôn với nhau và hiện nay chị B đã tách hộ khẩu và không còn sinh sống trên phần đất này. Xét thấy, phía ông B xác định phần đất trên là tài sản của ông B, còn chị T1, chị A và anh L là con nên có tên trong hộ và những người này cũng không có công sức đóng góp gì vào phần đất này nên đề nghị Tòa án không đưa những người này vào tham gia vụ án. Đồng thời, chị T1, chị A và anh L có văn bản ý kiến thống nhất với trình bày trên của ông B và đề nghị Tòa án không đưa họ vào tham gia tố tụng trong vụ án này. Về việc này phía ông B1 cũng thống nhất và các đương sự đề nghị Tòa án không đưa thêm ai vào tham gia trong vụ án này. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án không đưa chị T1, chị A và anh L vào tham gia tố tụng trong vụ án là phù hợp. Ngoài ra, đối với chị P, chị H, chị Đ, anh T, chị T và chị B xác định phần đất trên là tài sản của ông B1 và những

người này cũng không có công sức đóng góp gì vào phần đất này. Do đó, ông B1 được toàn quyền quyết định đối với phần đất này.

[8] Tại các phiên tòa sơ thẩm, các đương sự có mặt xác định ngoài lời trình bày và các chứng cứ đã nộp cho Tòa án ra thì các đương sự có mặt không còn chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác. Ngoài ra, cũng không còn yêu cầu gì khác.

[9] Về ý kiến và đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười:

Về việc bảo đảm việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành tốt pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến tại thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, cũng như việc chấp hành các quy định về tố tụng dân sự và thực hiện các quyền, nghĩa vụ về tố tụng dân sự của các đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án được thực hiện đúng và đầy đủ nên Viện kiểm sát không có ý kiến, kiến nghị gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét và tiếp tục tiến hành phiên tòa theo thủ tục chung.

Về nội dung vụ án, vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng quy định tại Điều 212, Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 175 của Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa ông Lê B và ông Đặng Văn B về việc xác định phần ranh giới quyền sử dụng đất giữa hai bên. Cụ thể: Điểm đầu tiên MO᷉ kéo thẳng vô điểm tiếp theo là cây còng, kéo thẳng đến điểm MF᷉ rồi đến MC᷉ cuối cùng là điểm M5᷉ theo phụ lục trích đo địa chính bổ sung ngày 22/11/2022 của Công ty TNHH Dịch vụ và Đo đạc Bảo Long. Từ những phân tích trên, xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 203 của Luật đất đai; Điều 175 của Bộ luật dân sự; Khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 212, Điều 213, khoản 1 Điều 227, Điều 235, Điều 246 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận về việc xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa đất của ông Lê B tại thửa số 1426 và 1428 với đất của ông Đặng Văn B tại thửa số 2802 và 2804 là các đường thẳng nối qua các mốc MO’, M16’ (Ngay tâm cây còng), MF’, MC’ và M5’, đất tọa lạc tại ấp 1, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Ranh đất được sử dụng theo chiều thẳng đứng tính từ lòng đất đến không gian tài sản của hai bên lấn chiếm ranh đất phải di dời theo quy định của pháp

luật.

(Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/6/2020 và ngày 07/7/2020; Sơ đồ đo đạc ngày 26/8/2020 và phụ lục kèm theo ngày 22/11/2022 của Công ty TNHH Dịch vụ và Đo đạc Bảo Long).

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Ông B đồng ý chịu 5.113.000 đồng (Năm triệu, một trăm mười ba nghìn đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và ông B đã nộp xong.

Ông B1 đồng ý chịu 5.113.000 đồng (Năm triệu, một trăm mười ba nghìn đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Ông B1 đồng ý nộp lại số tiền này để trả lại cho ông B.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông B và ông B1 đồng ý mỗi người chịu ½ án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể:

Ông B đồng ý chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007135, ngày 20/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Đồng thời, ông B được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 2.316.000 đồng (Hai triệu, ba trăm mười sáu nghìn đồng).

Ông B1 đồng ý chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- VKS huyện Tháp Mười;
- CCTHADS huyện Tháp Mười;
- Lưu hồ sơ vụ án: (Linh).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Phường

HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Lê Văn Vững - Nguyễn Thị Thanh Trang	**Nguyễn Minh Phường**

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Ánh **Nguyễn Thị Thúy** **Nguyễn Minh Phường**